

PHÁP LUẬT VỀ CHO THUÊ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH THUỘC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

TỐNG THIÊN PHƯỚC^{1*} - HUỖNH NGỌC NGHIÊM^{1**}

¹ Trường Đại học Tài chính - Marketing

University of Finance - Marketing

*E-mail: tongthienphuoc@ufm.edu.vn

**E-mail: huynhngocngkiem@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài: 7/8/2026

Ngày sửa bài: 20/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 7/9/2026

Tóm tắt:

Cho thuê tài chính là hình thức cấp tín dụng trung và dài hạn, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư tài sản phục vụ sản xuất, kinh doanh. Bằng phương pháp phân tích luật học và tổng hợp tài liệu, bài viết nghiên cứu pháp luật điều chỉnh hoạt động cho thuê tài chính của các công ty thuộc ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy, việc bảo vệ quyền sở hữu của bên cho thuê gắn với thủ tục thu hồi, xử lý tài sản và sự phối hợp giữa pháp luật ngân hàng, dân sự, thi hành án và phục hồi, phá sản. Những vấn đề cần hoàn thiện tập trung ở việc xác minh, công khai thông tin tài sản và thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất hoàn thiện thủ tục thu hồi, hoàn trả tài sản và minh bạch hóa điều kiện hợp đồng nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật và khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp.

Từ khóa: cho thuê tài chính, công ty cho thuê tài chính, ngân hàng thương mại, quyền sở hữu, hoàn thiện pháp luật

The legal framework for financial leasing by finance leasing companies affiliated with commercial banks in Vietnam: Current situation and recommendations

Abstract:

Financial leasing provides medium- and long-term credit for business investment in productive assets. Using doctrinal legal analysis and document synthesis, this article examines the Vietnamese legal framework governing financial leasing by companies affiliated with commercial banks. The analysis shows that the protection of lessors' ownership rights depends on asset recovery and disposal procedures and coordination among banking, civil judgment enforcement, and restructuring and bankruptcy laws. Areas requiring improvement include ownership verification, disclosure of asset information, and the performance of contractual obligations. The study proposes clearer procedures for recovering and returning leased assets and greater transparency in contractual terms. These recommendations aim to protect the legitimate interests of the contracting parties, improve legal implementation, and support businesses' access to finance.

Keywords: financial leasing, finance leasing company, commercial bank, ownership, legal reform

1. Đặt vấn đề

Cho thuê tài chính (CTTC) là hình thức cấp tín dụng trung và dài hạn, giúp doanh nghiệp đầu tư máy móc, thiết bị mà không phải thanh toán toàn bộ giá mua ngay từ đầu. Bên cho thuê giữ quyền sở hữu tài sản, còn bên thuê quản lý, sử dụng và thanh toán theo hợp đồng. Sự tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng tạo cơ sở bảo vệ lợi ích của bên cho thuê, đồng thời đặt ra yêu cầu bảo đảm hiệu quả thu hồi và xử lý tài sản khi bên thuê vi phạm nghĩa vụ.

Tại Việt Nam, hoạt động CTTC chịu sự điều chỉnh của pháp luật ngân hàng và các quy định liên quan về dân sự, thi hành án, phục hồi và phá sản. Việc thực hiện quyền đối với tài sản thuê vì vậy gắn với nghĩa vụ hợp đồng, quyền của người thứ ba và thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền. Đối với các công ty CTTC thuộc ngân hàng thương mại, bao gồm công ty con và công ty liên doanh có ngân hàng tham gia vốn, trách nhiệm trong giao dịch còn được xác định theo tư cách pháp nhân độc lập và cam kết của từng chủ thể.

Trên cơ sở phân tích văn bản pháp luật và tổng hợp dữ liệu thứ cấp, bài viết làm rõ quyền sở hữu, cơ chế thu hồi, xử lý tài sản và việc thực hiện hợp đồng CTTC. Từ đó, bài viết đề xuất khuyến nghị nhằm hoàn thiện sự phối hợp giữa các quy định, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên và hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu và khung phân tích

Nghiên cứu của Eisfeldt và Rampini (2009) lý giải lợi ích tài trợ của CTTC thông qua khả năng thu hồi tài sản, đặc biệt đối với doanh nghiệp bị hạn chế tiếp cận vốn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, bảo vệ quyền đối với tài sản thuê có ý nghĩa đối với khả năng cung ứng vốn của bên cho thuê. International Finance Corporation (2009) tiếp cận sự phát triển của CTTC từ khung pháp luật, chế độ kế toán và chính sách thuế, qua đó làm rõ yêu cầu phối hợp giữa các công cụ quản lý. Về cơ chế bảo vệ quyền của các bên, các điều 20, 23 và 24 Luật mẫu về thuê tài sản của UNIDROIT (2008) quy định việc thông báo vi phạm, tạo cơ hội khắc phục, chấm dứt hợp đồng và nhận lại, định đoạt tài sản. Những nội dung này cung cấp cơ sở tham khảo khi xem xét quyền thu hồi tài sản trong mối liên hệ với nghĩa vụ hợp đồng và quyền lợi của bên thuê.

Các tài liệu trên cung cấp cơ sở về vai trò của quyền sở hữu và khả năng thu hồi tài sản đối với hoạt động CTTC. Bài viết tiếp tục phân tích việc thực hiện các quyền này trong mối liên hệ giữa pháp luật ngân hàng, dân sự, thi hành án và phục hồi, phá sản tại Việt Nam, có xem xét các thay đổi pháp luật trong giai đoạn từ năm 2025 đến trước ngày 01/8/2026. Khung phân tích tập trung vào mức độ rõ ràng của quyền và nghĩa vụ, khả năng chứng minh quyền sở hữu và tính khả thi của thủ tục thu hồi, hoàn trả, xử lý tài sản. Qua đó, bài viết xác định yêu cầu phối hợp thủ tục và đề xuất giải pháp phù hợp với đặc điểm hợp đồng CTTC và quyền lợi của các bên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích luật học để giải thích, đối chiếu các quy định về CTTC với pháp luật dân sự, thi hành án, phục hồi và phá sản; phương pháp tổng hợp tài liệu để hệ thống hóa nghiên cứu đã công bố; và phân tích thực tiễn dựa trên dữ liệu thứ cấp để làm rõ bối cảnh hoạt động. Nguồn tài liệu gồm văn bản trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Công báo và Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; các nghiên cứu đã xuất bản; danh sách hội viên Hiệp hội Cho thuê tài chính Việt Nam và thông tin hội nghị trên Thời báo Tài chính Việt Nam. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào quan hệ giữa công ty CTTC thuộc ngân hàng thương mại và bên thuê, với tài liệu cập nhật đến 31/7/2026. Văn bản được đối chiếu theo hiệu lực, phạm vi điều chỉnh và quy định chuyển tiếp; số liệu được xem xét theo kỳ báo cáo và phạm vi đơn vị được phản ánh.

3. Thực trạng pháp luật và những bất cập trong hoạt động cho thuê tài chính tại Việt Nam

3.1. Khung pháp luật và bối cảnh hoạt động

Khoản 4 Điều 120 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 xác định CTTC là hình thức cấp tín dụng trung hạn, dài hạn theo hợp đồng, đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện: khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được chuyển quyền sở hữu hoặc tiếp tục thuê tài sản; bên thuê được quyền ưu tiên mua tài sản với giá danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế tại thời điểm mua; thời hạn thuê tối thiểu bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản; tổng số tiền thuê ít nhất bằng giá trị tài sản tại thời điểm ký hợp đồng (Quốc hội, 2024a). Các điều kiện này là căn cứ nhận diện giao dịch CTTC và phân biệt với thuê tài sản thông thường. Trong phạm vi nghiên cứu, Luật Các tổ chức tín dụng được xem xét cùng các văn bản sửa đổi đã có hiệu lực, gồm Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15 (Quốc hội, 2024b, 2025c).. Trong phạm vi pháp luật có hiệu lực trước ngày 1/8/2026, hoạt động CTTC được xem xét theo Thông tư số 26/2024/TT-NHNN (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2024). Vì vậy, việc đánh giá quyền và nghĩa vụ của các bên cần căn cứ thời điểm giao kết, nội dung hợp đồng và quy định chuyển tiếp.

Về bối cảnh hoạt động, danh sách Hiệp hội Cho thuê tài chính Việt Nam (n.d.) giới thiệu 8 hội viên, trong đó 6 đơn vị có ngân hàng thương mại tham gia vốn, gắn với Vietcombank, VietinBank, BIDV, ACB, Sacombank và Agribank; hai đơn vị còn lại là Chailease và Kexim Việt Nam. Danh sách này phản ánh thành phần hội viên, không đại diện cho tổng số công ty được cấp phép. Theo thông tin hội nghị thường niên được Ánh Tuyết (2026) đăng trên Thời báo Tài chính Việt Nam, cuối năm 2025, dư nợ của các hội viên đạt 45,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,38%; tổng tài sản trên 51 nghìn tỷ đồng, tăng 14,83%. Sự gia tăng quy mô hoạt động trong phạm vi được báo cáo cho thấy ý nghĩa của việc hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật về CTTC.

3.2. Những vấn đề trong khung pháp luật

3.2.1. Quyền sở hữu và cơ chế thực hiện quyền thu hồi

Điều 158 và Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nội dung quyền sở hữu và quyền đòi lại tài sản (Quốc hội, 2015). Đối với CTTC, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 26/2024/TT-NHNN xác định bên cho thuê nắm giữ quyền sở hữu tài sản trong suốt thời hạn cho thuê (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2024).. Bên thuê quản lý, sử dụng tài sản trên cơ sở hợp đồng và có nghĩa vụ giao trả khi phát sinh căn cứ hoàn trả theo quy định.

Quyền sở hữu là cơ sở pháp lý để bên cho thuê yêu cầu nhận lại tài sản, nhưng việc thực hiện quyền này còn phụ thuộc vào căn cứ chấm dứt hợp đồng, nghĩa vụ chưa hoàn thành và tình trạng thực tế của tài sản. Khi bên thuê không tự nguyện bàn giao hoặc có tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán, việc thu hồi cần được giải quyết theo thủ tục có thẩm quyền. Trường hợp tài sản đã được chuyển giao hoặc lắp đặt tại địa điểm của người thứ ba, việc thu hồi còn liên quan đến quyền tiếp cận, khả năng tách rời và trách nhiệm phối hợp của các chủ thể.

Vấn đề đặt ra là bảo đảm sự liên kết giữa căn cứ xác lập quyền sở hữu và thủ tục thực hiện quyền. Cơ chế thu hồi cần phân định rõ việc bàn giao tự nguyện theo thỏa thuận với việc tổ chức thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời xác định hồ sơ, trình tự kiểm kê và cách đối soát nghĩa vụ khi nhận lại tài sản.

3.2.2. Nhận diện tài sản trong thi hành án dân sự

Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Khoản 3 Điều 69 quy định việc cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng và quyền khởi kiện, yêu cầu xác định quyền đối với tài sản tạm giữ theo Điều 39 (Quốc hội, 2025a). Đối với tài sản CTTC, việc bên thuê trực tiếp quản lý, sử dụng máy móc tại nhà xưởng cần được xem xét cùng hồ sơ xác lập quyền sở hữu của bên

cho thuê. Quyền yêu cầu thanh toán tiền thuê và quyền yêu cầu nhận lại tài sản cũng cần được xác định riêng theo căn cứ của từng nghĩa vụ.

Khó khăn trong nhận diện có thể phát sinh khi hồ sơ tài sản thiếu thông tin kỹ thuật hoặc chưa được cập nhật sau khi di chuyển, sửa chữa, thay thế bộ phận. Đối với máy móc được lắp đặt trong dây chuyền sản xuất, việc xác minh cần kết hợp hợp đồng, chứng từ giao nhận, số sê-ri và hiện trạng tài sản; đồng thời làm rõ quyền đối với từng bộ phận và khả năng tách rời. Sự thống nhất giữa hồ sơ pháp lý và thông tin thực tế là cơ sở để xác định đúng tài sản CTTC, hạn chế tranh chấp và bảo vệ quyền lợi của các bên trong quá trình thi hành án.

3.2.3. Hoàn trả tài sản khi bên thuê phục hồi hoặc phá sản

Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/3/2026. Khoản 1 Điều 79 quy định chủ sở hữu phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu và hợp đồng với cơ quan thi hành án dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận quyết định tuyên bố phá sản để nhận lại tài sản thuê hoặc mượn. Theo khoản 2, nếu tiền thuê đã được trả trước nhưng thời hạn thuê chưa hết, bên cho thuê chỉ được nhận lại tài sản sau khi hoàn trả tiền thuê tương ứng với thời gian còn lại theo luật định. Trường hợp tài sản đã bị chuyển nhượng và không thể thu hồi, khoản 3 xác định yêu cầu bồi thường của chủ sở hữu là khoản nợ không có bảo đảm (Quốc hội, 2025b).

Điều 10 Nghị định số 64/2026/NĐ-CP quy định Chấp hành viên thông báo và chuyển hồ sơ trong 03 ngày làm việc; Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trả lại tài sản trong 07 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hoặc khi bên cho thuê hoàn trả tiền thuê tương ứng với thời gian còn lại, tùy trường hợp (Chính phủ, 2026). Đối với CTTC, việc xác định tiền thuê trả trước cần căn cứ hợp đồng và lịch thanh toán, phân biệt với khoản thực hiện nghĩa vụ đã đến hạn để đối soát khi hoàn trả tài sản.

Trong giai đoạn phục hồi, tài sản CTTC có thể tiếp tục phục vụ hoạt động kinh doanh của bên thuê. Việc quản lý, sử dụng và bảo quản cần gắn với căn cứ pháp lý, nghĩa vụ thanh toán và trách nhiệm của các chủ thể. Nội dung cần hoàn thiện tập trung vào sự phối hợp trong kiểm tra hiện trạng, bảo quản và bàn giao tài sản, đồng thời phân định quyền nhận lại tài sản với yêu cầu thanh toán và bồi thường.

3.2.4. Công khai thông tin tài sản và phân biệt kế toán với sở hữu

Hồ sơ xác lập quyền sở hữu và hồ sơ giao nhận tài sản là căn cứ cần được xem xét khi xác định quyền của bên cho thuê trong giao dịch CTTC. Việc lưu giữ hồ sơ giúp xác định quyền và nghĩa vụ giữa bên cho thuê với bên thuê, nhưng khả năng tiếp cận thông tin của người thứ ba còn phụ thuộc vào cách thức cung cấp và kiểm tra hồ sơ. Khi tài sản được di chuyển, chuyển giao hoặc thay đổi cấu hình, thông tin ban đầu có thể không còn phản ánh đầy đủ hiện trạng, gây khó khăn cho việc nhận diện và xác minh quyền sở hữu. Vấn đề này đặt ra yêu cầu kết nối hồ sơ pháp lý với thông tin nhận dạng và quá trình sử dụng tài sản. Đối với máy móc không phải đăng ký quyền sở hữu, cơ chế cung cấp, tra cứu thông tin về giao dịch CTTC có thể hỗ trợ việc xác minh khi phát sinh tranh chấp, thi hành án hoặc phá sản. Phạm vi thông tin, trách nhiệm cập nhật và giá trị pháp lý của việc công khai cần được xác định rõ, phù hợp với yêu cầu bảo mật và được phân biệt với đăng ký biện pháp bảo đảm.

Bên cạnh hồ sơ pháp lý, việc xác định quyền đối với tài sản còn cần phân biệt với cách ghi nhận kế toán. Chuẩn mực kế toán số 06 ban hành theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC phân loại thuê tài chính dựa trên việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản; Thông tư số 161/2007/TT-BTC hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực liên quan (Bộ Tài chính, 2002, 2007). Việc ghi nhận tài sản trên sổ kế toán của bên thuê phục vụ phản ánh bản chất kinh tế của giao dịch, còn quyền sở hữu được xác định theo pháp luật và hợp đồng. Vì vậy, khi giải quyết quyền đối với tài sản CTTC, thông tin kế toán cần được xem xét cùng hồ sơ giao dịch và các căn cứ pháp lý tương ứng.

3.3. Những vấn đề trong thực hiện hợp đồng

3.3.1. Tính không hủy ngang và xử lý chấm dứt trước hạn

Thông tư số 26/2024/TT-NHNN quy định tính không hủy ngang của hợp đồng CTTC tại khoản 5 Điều 3, các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn tại Điều 20 và việc xử lý hợp đồng chấm dứt trước hạn tại Điều 21 (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2024).. Tính không hủy ngang vì vậy cần được xem xét cùng các trường hợp chấm dứt và hậu quả pháp lý tương ứng. Việc thể hiện rõ các nội dung này trong hợp đồng giúp bên thuê xác định trách nhiệm tài chính trước khi giao kết. Hợp đồng cần xác định hành vi vi phạm, cách thông báo, thời điểm chấm dứt, khoản phải thanh toán và chi phí xử lý. Điều khoản thu hồi chung chung dễ phát sinh tranh chấp về quy trình, hiện trạng hoặc giá trị tài sản. Thanh toán trước hạn, chấm dứt hợp đồng và bàn giao phải có điều kiện áp dụng riêng.

3.3.2. Hồ sơ tài sản và bảo đảm nghĩa vụ

Khả năng chứng minh quyền sở hữu phụ thuộc vào mức độ đầy đủ và thống nhất của hồ sơ tài sản. Hợp đồng và hồ sơ bàn giao cần mô tả rõ nhà sản xuất, số sê-ri, bộ phận cấu thành, địa điểm lắp đặt và tình trạng tài sản. Khi di chuyển, sửa chữa hoặc thay thế bộ phận, thông tin cần được cập nhật để duy trì khả năng nhận diện. Nếu tài sản nằm trên đất hoặc trong nhà xưởng của người thứ ba, hợp đồng cần dự liệu quyền tiếp cận và trách nhiệm phối hợp, phù hợp với quyền lợi hợp pháp của chủ thể liên quan. Khoản trả trước, tiền ký quỹ, tài sản bảo đảm và bảo lãnh có bản chất pháp lý khác nhau, ảnh hưởng đến vốn ban đầu và chi phí của bên thuê. Hợp đồng cần xác định rõ mục đích, cách khấu trừ và điều kiện hoàn trả đối với các khoản tiền, cùng phạm vi và điều kiện thực hiện từng biện pháp bảo đảm. Việc lựa chọn biện pháp bảo đảm cần căn cứ khả năng trả nợ, đặc điểm tài sản và rủi ro của giao dịch. Đối với công ty CTTC thuộc ngân hàng thương mại, trách nhiệm trong hợp đồng được xác định theo tư cách pháp nhân và cam kết của từng chủ thể.

Việc công khai khoản trả trước, ký quỹ, tiền thuê và chi phí liên quan giúp doanh nghiệp đánh giá tổng nghĩa vụ thanh toán, cân đối dòng tiền và so sánh các phương án tài trợ. Sự minh bạch này tạo cơ sở lựa chọn điều kiện hợp đồng phù hợp, đồng thời hạn chế tranh chấp trong thực hiện nghĩa vụ và xử lý tài sản.

4. Khuyến nghị hoàn thiện pháp luật

Thứ nhất, hoàn thiện hướng dẫn về thu hồi, bàn giao tài sản CTTC, làm rõ thông báo vi phạm, thời hạn khắc phục, hồ sơ sở hữu, kiểm kê và đối soát nghĩa vụ. Cần phân định việc bàn giao tự nguyện theo thỏa thuận với việc thi hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bên thuê và người thứ ba.

Thứ hai, thống nhất hồ sơ nhận dạng tài sản và cơ chế trao đổi thông tin với cơ quan thi hành án. Đối với máy móc không phải đăng ký quyền sở hữu, nghiên cứu cơ chế công khai giao dịch CTTC phù hợp với chi phí và yêu cầu bảo mật; xác định rõ giá trị pháp lý của thông tin, trách nhiệm cập nhật và phân biệt với đăng ký biện pháp bảo đảm.

Thứ ba, hướng dẫn việc áp dụng Điều 79 Luật Phục hồi, phá sản và Điều 10 Nghị định số 64/2026/NĐ-CP đối với CTTC, nhất là xác định tiền thuê trả trước, đối soát nghĩa vụ và lập hồ sơ hoàn trả. Cần làm rõ trách nhiệm phối hợp trong kiểm tra, bảo quản, bàn giao tài sản; căn cứ và nghĩa vụ khi tiếp tục sử dụng tài sản trong giai đoạn phục hồi.

Thứ tư, hoàn thiện hướng dẫn về điều kiện hợp đồng, tập trung vào tính không hủy ngang, chấm dứt trước hạn, nghĩa vụ thanh toán và xử lý tài sản. Công ty CTTC cần công khai các khoản trả trước, ký quỹ, chi phí bảo đảm và điều kiện hoàn trả; lựa chọn biện pháp bảo đảm phù hợp với rủi ro, đồng thời cập nhật hồ sơ tài sản trong quá trình sử dụng.

Thứ năm, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong hướng dẫn ghi nhận kế toán, xác định

quyền sở hữu và xử lý tài sản CTTC. Việc công bố số lượng đơn vị, phạm vi số liệu hoạt động và dữ liệu tranh chấp cần được thống nhất để hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật và nhu cầu điều chỉnh chính sách.

5. Kết luận

Pháp luật Việt Nam đã xác lập cơ sở cho hoạt động CTTC và bảo vệ quyền đối với tài sản thuê. Những nội dung cần hoàn thiện tập trung vào cơ chế thu hồi, công khai thông tin tài sản, phối hợp thi hành án và hoàn trả tài sản trong phục hồi, phá sản. Đối với công ty CTTC thuộc ngân hàng thương mại, việc bảo vệ quyền của bên cho thuê cần gắn với minh bạch hợp đồng, quyền lợi hợp pháp của bên thuê và trách nhiệm độc lập của từng pháp nhân.

Nghiên cứu dựa trên văn bản pháp luật và dữ liệu thứ cấp nên còn hạn chế trong đánh giá tần suất tranh chấp, thiệt hại và chi phí thực hiện quyền. Các nghiên cứu tiếp theo cần bổ sung dữ liệu về hợp đồng, tranh chấp và quá trình thu hồi tài sản để đánh giá tính khả thi của các khuyến nghị ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Ảnh Tuyết. (2026). Dư nợ cho thuê tài chính vượt 45 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng “thực” nhưng cần xung lực mới. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/du-no-cho-thue-tai-chinh-vuot-45-nghin-ty-dong-tang-truong-thuc-nhung-can-xung-luc-moi-194111.html>
- Bộ Tài chính. (2002). Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2).
- Bộ Tài chính. (2007). Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Chính phủ. (2026). Nghị định số 64/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản.
- Hiệp hội Cho thuê tài chính Việt Nam. (n.d.). Hội viên. Truy cập từ <https://hiephoichothuetaichinh.com.vn/hoi-vien.html>
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2024). Thông tư số 26/2024/TT-NHNN ngày 28/06/2024 quy định về hoạt động cho thuê tài chính của công ty tài chính tổng hợp, công ty cho thuê tài chính.
- Quốc hội. (2015). Bộ luật số 91/2015/QH13: Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 24/11/2015.
- Quốc hội. (2024a). Luật số 32/2024/QH15: Luật Các tổ chức tín dụng, ban hành ngày 18/01/2024.
- Quốc hội. (2024b). Luật số 43/2024/QH15: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, ban hành ngày 29/06/2024.
- Quốc hội. (2025a). Luật số 106/2025/QH15: Luật Thi hành án dân sự, ban hành ngày 05/12/2025.
- Quốc hội. (2025b). Luật số 142/2025/QH15: Luật Phục hồi, phá sản, ban hành ngày 11/12/2025.
- Quốc hội. (2025c). Luật số 96/2025/QH15: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, ban hành ngày 27/06/2025.
- Eisfeldt, A. L., & Rampini, A. A. (2009). Leasing, ability to repossess, and debt capacity. *The Review of Financial Studies*, 22(4), 1621–1657. <https://doi.org/10.1093/rfs/hhn026>
- International Finance Corporation. (2009). *Leasing in development: Guidelines for emerging economies* (2nd ed.). <https://documents1.worldbank.org/curated/en/998901468326962267/pdf/516730WP0Box341inDevelopment1Manual.pdf>
- UNIDROIT. (2008). UNIDROIT model law on leasing. <https://www.unidroit.org/instruments/leasing/model-law/>